TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **112/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-9-2024
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Nguyên

2. Ông Phan Công Rô

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 146/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Tạ Minh N, sinh ngày 02 tháng 3 năm 1984 (có mặt);

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp L2, xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 02 năm 2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Tạ Minh N trình bày và yêu cầu như sau*:

Anh và chị Nguyễn Thị B chung sống với nhau vào năm 2005, đến năm 2009 đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/02/2009. Anh và chị Nguyễn Thị B

có 02 người con chung tên: Tạ Minh T, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2005 và Tạ Văn D, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2007 hiện nay đang chung sống với chị Nguyễn Thị B; về tài sản chung và nợ, anh và chị Nguyễn Thị B không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống anh và chị Nguyễn Thị B thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau, chị Nguyễn Thị B sống không chung thủy với anh và đã ly thân với anh từ tháng 01 năm 2024 cho đến nay, thời gian ly thân không có liên lạc gì với nhau. Anh thấy, anh và chị Nguyễn Thị B không còn tình cảm vợ chồng, anh yêu cầu giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị B. Về quan hệ con chung, khi ly hôn anh giao người con chung tên Tạ Văn D, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2007 cho chị Nguyễn Thị B được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi, anh không cấp dưỡng nuôi con mặc dù đã được Tòa án giải thích về cấp dưỡng nuôi con chung. Còn người con chung tên Tạ Minh T hiện nay đã thành niên, anh không yêu cầu giải quyết; Về tài sản và nợ, anh và chị Nguyễn Thị B không có tài sản chung, không nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh không yêu cầu giải quyết, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

* *Tại Biên bản xác minh ngày 07 tháng 6 năm 2024, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân*:

Anh Tạ Minh N và chị Nguyễn Thị B xác lập hôn nhân và sinh sống, làm việc tại ấp L2, xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Anh Tạ Minh N và chị Nguyễn Thị B chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi bất hòa trong việc làm ăn kinh tế gia đình, anh chị đã sống ly thân với nhau khoảng năm nay. Thời gian anh chị chung sống có 02 người con chung, hiện nay Tạ Văn D đang chung sống với chị Nguyễn Thị B, thường xuyên đi làm thuê vắng mặt ở nhà, Tòa án không lấy ý kiến nguyện vọng của Tạ Văn D được; Tạ Minh T hiện nay đã trưởng thành.

* *Bị đơn chị Nguyễn Thị B*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị Nguyễn Thị B biết để chị có ý kiến về việc anh Tạ Minh N yêu cầu ly hôn và giao con cho chị Nguyễn Thị B nuôi dưỡng, nhưng chị Nguyễn Thị B không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

* *Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Căn cước công dân tên Tạ Minh N (Bản sao); Trích lục kết hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Tạ Minh N số: 158/TLKH-BS ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân

dân huyện AB, tỉnh Kiên Giang (Bản sao); 02 Giấy khai sinh tên Tạ Minh T, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2005 và Tạ Văn D, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2007 (Bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 15 tháng 02 năm 2024 của anh Tạ Minh N (Bản chính); Biên bản xác minh ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính).

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn anh Tạ Minh N yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị B. Về quan hệ con chung, khi ly hôn anh giao người con chung tên Tạ Văn D, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2007 cho chị Nguyễn Thị B được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi, anh không cấp dưỡng nuôi con; người con chung tên Tạ Minh T hiện nay đã thành niên, anh không yêu cầu giải quyết; Về tài sản và nợ, anh và chị Nguyễn Thị B không có tài sản chung, không nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh không yêu cầu giải quyết, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị B vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị B vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của anh Tạ Minh N yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị B và nuôi con là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Tạ Minh N được ly hôn với chị Nguyễn Thị B. Về quan hệ con chung, khi anh chị ly hôn giao người con chung của anh chị tên Tạ Văn D cho chị Nguyễn Thị B tiếp tục nuôi dưỡng; người con chung của anh chị tên Tạ Minh T hiện nay đã thành niên, trong quá trình giải quyết anh chị không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị B không yêu cầu đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ, anh Tạ Minh N tự xác định không có, anh chị không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Tạ Minh N yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị B và nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp L2, xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị B biết và ấn định thời gian để chị có ý kiến về việc anh Tạ Minh N khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con với chị nhưng chị Nguyễn Thị B không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị Nguyễn Thị B vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Tạ Minh N và chị Nguyễn Thị B nhưng chị Nguyễn Thị B vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, đồng thời tại phiên toà hôm nay anh Tạ Minh N không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị B theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, anh Tạ Minh N và chị Nguyễn Thị B chung sống với nhau vào năm 2005, đến năm 2009 anh chị đi đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang là nơi anh chị cư trú)* và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 27/2009 ngày 17 tháng 02 năm 2009, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của anh Tạ Minh N được ly hôn với chị Nguyễn Thị B, thời gian anh và chị Nguyễn Thị B chung sống thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau, chị Nguyễn Thị B sống không chung thủy với anh và đã ly thân với anh từ tháng 01 năm 2024 cho đến nay, thời gian ly thân không có liên lạc gì với nhau, anh và chị Nguyễn Thị B không còn tình cảm vợ chồng, anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị B, nhưng chị Nguyễn Thị B không có ý kiến yêu cầu gì, không quan

tâm đến việc anh Tạ Minh N yêu cầu ly hôn với chị là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Tạ Minh N cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị B. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Minh N, cho anh Tạ Minh N được ly hôn với chị Nguyễn Thị B là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, anh Tạ Minh N và chị Nguyễn Thị B có 02 người con chung tên: Tạ Minh T, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2005 và Tạ Văn D, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2007 hiện nay đang chung sống với chị Nguyễn Thị B. Khi ly hôn, anh Tạ Minh N giao người con chung tên Tạ Văn D, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2007 cho chị Nguyễn Thị B được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi, tự lao động sinh sống được. Hội đồng xét xử thấy rằng, người con chung của anh chị tên Tạ Văn D sống chung với chị Nguyễn Thị B không liên lạc để lấy ý kiến nguyện vọng được, đồng thời chị Nguyễn Thị B cũng không có ý kiến yêu cầu gì. Do đó, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, ý kiến của anh Tạ Minh N, giao người con chung của anh chị tên Tạ Văn D, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2007 cho chị Nguyễn Thị B được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Người con chung của anh chị tên Tạ Minh T, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2005 hiện nay đã thành niên, trong quá trình giải quyết anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị B không yêu cầu anh Tạ Minh N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, anh Tạ Minh N tự xác định, anh và chị Nguyễn Thị B không có tài sản chung, anh cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết

số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Tạ Minh N được ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung của anh chị tên Tạ Văn D, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2007 cho chị Nguyễn Thị B được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được, hiện nay Tạ Văn D đang chung sống với chị Nguyễn Thị B. Người con chung của anh chị tên Tạ Minh T, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2005 hiện nay đã thành niên, trong quá trình giải quyết anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị B không yêu cầu anh Tạ Minh N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Anh Tạ Minh N tự xác định, anh và chị Nguyễn Thị B không có tài sản chung, anh cam kết anh chị không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc anh Tạ Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003282 ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Anh Tạ Minh N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 10/9/2024. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã HY, AB, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo